**Nội dung ôn tập tuần từ 10/2 – 16/2/2010 môn Địa Lí 12**

1. Lý thuyết.

Học sinh ôn tập kiến thức các bài đã học

 Bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Bài 21: Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta.

Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp.

Bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp

1. Bài tập phải hoàn thành và nộp vào tiết đầu tiên của tuần đi học trở lại.

HS hoàn thiện hệ thống câu hỏi trắc nghiệm theo các cấp độ và khai thác Atlat, nhận xét bảng số liệu.

**HỆ THỐNG CÂU HỎI**

**BÀI 20: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ**

**I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT (12 CÂU)**

**Câu 1:** Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng

A. Tỉ trọng KVI giảm, tỉ trọng KVIII tăng nhanh, tỉ trọng KVII tăng chậm

B. Tỉ trọng KVI giảm, tỉ trọng KVII tăng , tỉ trọng KVIII có biến động

C. Tỉ trọng KVI tăng, tỉ trọng KVIII tăng nhanh, KVII giảm

D. Tỉ trọng KVI ít thay đổi, tỉ trọng KVIII tăng nhanh, KVII tăng chậm

**Câu 2:**  Thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta là

A. Kinh tế tập thể B. Kinh tế nhà nước

C. Kinh tế tư nhân D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

**Câu 3.** Xu hướng chuyển dịch trong khu vực I là

A. Giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành thủy sản

B. Giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành lâm nghiệp

C. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng thủy sản

D. Tăng tỉ trọng trồng trọt, giảm tỉ trọng thủy sản

**Câu 4:** Khu vực Dịch vụ nước ta đã có bước tăng trưởng nhất là trong lĩnh vực liên quan đến

A. Giáo dục B. Kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

C. Du lịch D. y tế

**Câu 5**: Trên phạm vi cả nước hình thành mấy vùng kinh tế trọng điểm

A. 2 B. 3 C.4 D.5

**Câu 6:** Xu hướng chuyển dịch trong nông nghiệp (nghĩa hẹp) là

A. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi

B. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi

C. Giảm tỉ trọng cây công nghiệp, tăng tỉ trọng cây lương thực

D. Tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi đều tăng

**Câu 7:** Loại hình dịch vụ mới ra đời ở nước ta là

A. Giáo dục B. Thương mại C. Viễn thông D. Y tế

**Câu 8:** về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ ở nước ta đã hình thành

A. Khu chế xuất B. Vùng động lực phát triển kinh tế

C. Các vùng chuyên canh D. Tất cả đều đúng

**Câu 9:** Ở khu vực II, công nghiệp có xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành và đa dạng hóa sản phẩm để

A. Phù hợp với yêu cầu của thị trường B. Tăng hiệu quả đầu tư

C. Tránh ô nhiễm môi trường D. A và B đúng

**Câu 10:** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng

A. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa B. Hội nhập kinh tế toàn cầu

C. Đô thị hóa D. Kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa

**Câu 11:** Cơ cấu sản phẩm công nghiệp chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng các sản phẩm cao cấp, giảm tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng thấp

B. tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao, giảm tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng thấp

C. tăng tỉ trọng các sản phẩm có thể cạnh trạnh về giá cả, giảm tỉ trọng các sản phẩm không phù hợp với yêu cầu của thị trường

D. tất cả đều đúng

**Câu 12:**Vùng phát triển công nghiệp mạnh nhất ở nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng B. Đông Nam bộ

C. Bắc Trung bộ D. Tây Nguyên

II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU (6 CÂU)

**Câu 1:** Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam trang 17, chọn đáp án đúng nhất về xu hướng chuyển dịch cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế ở nước ta.

A. Giảm tỉ trọng nông- lâm- thủy sản, tăng tỉ trọng công nghiệp xây dựng

B. Giảm nông – lâm- thủy sản, tăng công ngiệp xây dựng

C. Tăng tỉ trọng nông- lâm- thủy sản, giảm tỉ trọng công nghiệp xây dựng

D. Tăng nông- lâm - thủy sản, giảm công nghiêpj xây dựng.

**Câu 2:** Căn cứ và Atlát Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế nào ở nước ta trên 100 nghìn tỉ đồng

A. Hà Nội, Hải Phòng, Đà nẵng B. Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh

C. Thành phố Hồ Chí Minh, Đà nẵng D. Hải Phòng, Vũng Tàu, Cần Thơ.

**Câu 3:** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế ở nước ta cho thấy

A. Quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa ở nước ta đang được đẩy mạnh

B. Nền kinh tế nước ta đang ngày càng hội nhập toàn cầu

C. Nước ta phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN

D. B và C đúng

**Câu 4:** Xu hướng chuyển dịch nào sau đây cho thấy nước ta có tốc độ công nghiệp hóa khá nhanh

A. Khu vực III đang có sự biến động B. Tỉ trọng khu vực II tăng nhanh

C. Tỉ trọng khu vực I có xu hướng giảm nhanh D. tất cả đều đúng

**Câu 5:** Trong ngành trồng trọt xu hướng giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp nhằm

A. Phát huy lợi thế về đất đai B. Nâng cao hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp

C. chuyển nển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa D. Tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu

**Câu 6:** Dựa vào Atlát Địa lí trang 17, cho biết vùng kinh tế nào ở nước ta có GDP bình quân theo đầu người thấp

A. Đồng bằng sông Hồng B. Bắc Trung Bộ

C. Trung du miền núi Bắc bộ D. Đông Nam bộ

**III.** MỨC ĐỘ VẬN DỤNG (9 CÂU)

**Câu 1:**  Dựa vào Atlát Địa lí Việt nam trang 17, cho biết điểm giống nhau về cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế của Hà Nội và tp Hồ Chí Minh là

A. Tỉ trọng khu vực dịch vụ lớn nhất B. Tỉ trọng khu vực Công nghiệp – xây dựng lớn nhất

C. tỉ trọng khu vực nông- lâm – ngư nghiệp nhỏ nhất D. A và C đúng

**Câu 2:** Dựa vào Atlát địa lí Việt Nam trang 17 - biểu đồ miền thể hiện cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 1990 – 2007 cho biết ý nào sau đây **chưa chính xác**

A. Tỉ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp có xu hướng giảm

B. Tỉ trọng công nghiệp – xây dựng có xu hướng tăng

C. Năm 1995, Tỉ trọng dịch vụ cao nhất

D. Năm 1990, Tỉ trọng nông – lâm – ngư nghiệp thấp nhất

**Câu 3:** Điểm nào sau đây **không đúng** với kinh tế nhà nước

A. Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế B. Quản lí các ngành và lĩnh vực then chốt

C. Tỉ trọng trong cơ cấu GDP ngày càng giảm D. Tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu GDP

**Câu 4:** Cho bảng số liệu

Giá trị sản xuất trong khu vực I ở nước ta

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngành | 2000 | 2005 |
| Nông nghiệp | 129 140,5 | 183 342,4 |
| Lâm nghiệp | 7673,9 | 9496,2 |
| Thủy sản | 26498,9 | 63549,2 |

Tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở nước ta năm 2000 lần lượt là

A. Năm 2000 ( 70%; 12%;18%) , năm 2005 (71,5% ;3,7% ; 24,8%)

B. Năm 2000 (79%, 5%, 16%) , năm 2005 (71,5% ;3,7% ; 24,8%)

C. Năm 2000 (79%, 5%, 16%) , năm 2005 (70% ; 12% ; 18%)

D. Tất cả đều sai

**Câu 5:** Loại hình dịch vụ nào sau đây không phải mới ra đời gần đây ở nước ta

A. Tư vấn đầu tư B. vận tải hàng không

C. Chuyển giao công nghệ D. Viễn thông

**Câu 6:** Điểm nào sau đây **không đúng** với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp

A. Giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp

B. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi

C. Tăng tỉ trọng của nông nghiệp. giảm tỉ trọng của ngư nghiệp

D. Câu A và B đúng

**Câu 7:** Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam trang 17. Cho biết ý nào sau đây **không đúng** về quy mô các trung tâm kinh tế ở nước ta

A. Hà Nội và TP Hồ Chí Minh giống nhau B. Hà Nội và Đà Nẵng khác nhau

C. Hải Dương và Huế khác nhau D. Nha Trang và Hạ Long giống nhau

**Câu 8:** Điểm nào sau đây **không đúng** về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực II

A. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác, tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến

B. Giảm tỉ trọng các sản phẩm chất lượng thấp, tăng tỉ trọng các sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao

C. Hình thành và phát triển các ngành công nghệ cao như sản xuất ô tô, viễn thông

D. A và B đúng

**Câu 9:** Ý nào sau đây không chính xác về sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế ở nước ta

A. Hình thành các vùng động lực kinh tế B. Hình thành các trung tâm kinh tế

C. Hình thành các vùng chuyên canh D. Mở rộng thị trường thế giới

IV. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:** Xu hướng chuyển dịch trong nội bộ các ngành kinh tế cho thấy các ngành kinh tế nước ta đang

A. Hiện đại hơn B. Phù hợp với xu thế hòa nhập vào nền kinh tế thế giới

C. Phát triển cân đối toàn diện D. Tất cả đều đúng

**Câu 2:** Đòi hỏi đối với một nền kinh tế tăng trưởng bền vững là

A. Nhịp độ phát triển cao B. Có cơ cấu giữa các ngành, các thành phần hợp lí

C. Có cơ cấu hợp lí giữa các vùng lãnh thổ D. Tất cả đều đúng

**Câu 3:** Vùng kinh tế giữ vị trí đầu tàu về kinh tế, dẫn đầu trong CNH – HĐH, là vùng kinh tế động lực của cả nước là

A. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam B. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc

C. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung D. Câu A và B đúng

**BÀI 21: ĐẶC ĐIỂM NỀN NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA**

I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT (12 CÂU)

**Câu 1:** Đặc điểm của nền nông nghiệp nước ta là

A. Có sản phẩm đa dạng B. Nền nông nghiệp nhiệt đới

C. Nông nghiệp thâm canh có trình độ cao D. Nền nông nghiệp đang được hiện đại và cơ giới hóa

**Câu 2:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên làm cho sản xuất nông nghiệp nước ta

A. Có sự ổn định cao B. Tương đối ổn định, ít có sự biến động

C. tăng thêm tính bấp bênh vốn có D. hạn chế được tính bấp bênh vốn có

**Câu 3:** Một đặc điểm khá rõ của nền nông nghiệp nước ta hiện nay là

A. nền nông nghiệp cổ truyền hầu như còn rất ít ở các vùng nước ta

B. sự tồn tại song song nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hóa

C. nền nông nghiệp hàng hóa mở rộng ở hầu hết các vùng.

D. nền nông nghiệp cổ truyền không còn, thay vào đó là nền nông nghiệp hàng hóa

**Câu 4:** Đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa là

A. Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng

B. Mỗi mỗi cơ sở sản xuất, mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm

C. Phần lớn sản phẩm sản xuất ra để tiêu dùng tại chỗ

D. Nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp

**Câu 5:** Mục đích quan trọng của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa là

A. tự cấp, tự túc B. Tạo ra nhiều lợi nhuận

C. Tạo ra nhiều nông sản trên một diện tích rộng D. Tất cả các mục đích trên

**Câu 6:** thế mạnh trong nông nghiệp ở khu vực trung du miền núi là

A. Các cây hàng năm và chăn nuôi gia súc lớn B. Các cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn

C. Chăn nuôi gia cầm và trồng cây chè D. Khai thác khoáng sản

**Câu 7:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên làm cho sản xuất nông nghiệp nước ta

A. Có sự ổn định cao B. Tương đối ổn định, ít có sự biến động

C. tăng thêm tính bấp bênh vốn có D. hạn chế được tính bấp bênh vốn có

**Câu 8:** Đặc trưng của nền nông nghiệp hàng hóa là

A. Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng

B. Mỗi mỗi cơ sở sản xuất, mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm

C. Phần lớn sản phẩm sản xuất ra để tiêu dùng tại chỗ

D. Nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp

**Câu 9:** Mục đích quan trọng của nền nông ngiệp sản xuất hàng hóa là

A. tự cấp, tự túc B. Tạo ra nhiều lợi nhuận

C. Tạo ra nhiều nông sản trên một diện tích rộng D. Tất cả các mục đích trên

**Câu 10:** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa rõ rệt có ảnh hưởng rất căn bản đến

A. Cơ cấu mùa vụ B. Việc lưa chọn nền nông nghiệp cổ truyền

C. Việc lực chọn nền nông nghiệp hiện đại D. Tất cả đều đúng

**Câu 11:** Phương hướng quan trọng để phát huy thế mạnh nền nông nghiệp nhiệt đới là

A. Đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu

B. Tạo ra nhiều nông sản phục vụ nhu cầu trong nước

C. Hạn chế xuất khẩu nông sản

D. Tất cả đều sai

**Câu 12:** Cơ cấu mùa vụ có những thay đổi quan trọng, với các giống cây có đặc điểm

A. Ngắn ngày, chịu được sâu bệnh B. Dài ngày, chịu được sâu bệnh

C. Dài ngày, có thể thu hoạch sau mùa mưa bão D. Ngắn ngày, có thể thu hoạch sau ngày mưa bão.

II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU (6 câu)

**Câu 1:** Nguyên nhân chính dẫn đến sự phân hóa mùa vụ ở nước ta là do sự phân hóa về

A. Đất đai B. Địa hình

C. Khí hậu D. Sinh vật

**Câu 2:** Vụ sản xuất chính mới được hình thành ở đb sông Hồng là

A. Vụ hè thu B. Vụ mùa

C. Vụ đông D. Vụ chiêm

**Câu 3:** Nguyên nhân làm tăng tính bấp bênh vốn có trong sản xuất nông nghiệp nước ta là

A. Sự phân mùa của nguồn nước B. Sự đa dạng của đất đai

C. Tính bất thường của nhịp điệu mùa khí hậu D. Cả A và C đúng

**Câu 4:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ các tập đoàn cây con có sự phân bố phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp

A. Cây Chè được trồng nhiều ở trung du miền núi Bắc bộ

B. Lúa phát triển mạnh ở các tỉnh duyên hải miền trung

C. Cà phê trồng nhiều ở đồng bằng sông Cửu Long

D. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** Việc trao đổi nông sản giữa các vùng ngày càng mở rộng và có hiệu quả là do

A. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ đẩy mạnh hoạt động vận tải

B. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ áp dụng rộng rãi công nghiệp chế biến

C. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn nhờ bảo quản nông sản tốt

D. tất cả đều đúng.

**Câu 6:** Việc áp dụng các hệ thống canh tác nông nghỉệp khác nhau giữa các vùng chủ yếu do sự phân hóa của các điều kiện

A. Khí hậu và địa hình B. Đất trồng và nguồn nước

C. Địa hình và đất trồng D. Nguồn nước và địa hình

III. VẬN DỤNG THẤP (9 CÂU)

**Câu 1:** Ý nào sau đây **không thể hiện** đặc điểm của nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta

A. Sự đa dạng về cư cấu vật nuôi cây trồng B. Sự đa dạng về cơ cấu mùa vụ

C. Tính bấp bênh không ổn định trong sản xuất nông nghiệp

D. Nền nông nghiệp cổ truyền là đặc trưng

**Câu 2:** Nhân tố tạo nền cho sự phân hóa lãnh thổ nông nghiệp nước ta là

A. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên B. kinh tế xã hội

C. lịch sử D. Đường lối chính sách

**Câu 3:** Nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta **không phải** chủ yếu dựa trên

A. Sự đa dạng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

B. Người lao động có kinh nghiệm sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp

C. Khí hậu phân hóa đa dạng

D. Nguồn nước dồi dào, tài nguyên sinh vật phong phú

**Câu 4:** Biểu hiện nào sau đây **không đúng** với việc nước ta đang khai thác ngày càng có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới

A. Cây trồng được phân bố phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp

B. Cơ cấu mùa vụ có những thay đổi quan trọng.

C. Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn.

D. Đẩy mạnh sản xuất nông sản phục vụ nhu cầu trong nước, hạn chế xuất khẩu

**Câu 5:** Đặc trưng nào sau đây **không phải** của nền nông nghiệp cổ truyền

A. Mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm

B. Người sản xuất quan tâm nhiều đến lợi nhuận

C. Năng suất lao động thấp

D. Sản xuất mang tính chất tự cấp tự túc

**Câu 6:** Nông nghiệp hàng hóa **không phát triển** thuận lợi ở các vùng

A. Gần các trục đường giao thông B. Gần các thành phố lớn

C. Có truyền thống sản xuất hàng hóa D. người dân có kinh nghiệm trồng cây lúa nước

**Câu 7:** Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn **không phải** nhờ vào việc

A. Sử dụng ngày càng nhiều công nghệ bảo quản nông sản

B. Đẩy mạnh hoạt động vận tải

C. tăng cường sản xuất chuyên môn hóa

D. Áp dụng rộng rãi công nghiệp chế biến

**Câu 8:** Đặc trưng nào sau đây **không phải** của nền nông nghiệp hiện đại

A. Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng

B. Sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc

C. Năng suất lao động cao

D. Sản xuất hàng hóa, chuyên môn hóa

**Câu 9:** Sự khác nhau giữa nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hóa **không phải** là

A. Mục đích sản xuất B. Công cụ sản xuất

C. Các loại cây trồng D. Năng suất lao động

**Câu 10:**  Vụ lúa nào sau đây **không phải** là vụ chính ở đồng bằng sông Cửu Long

A. Vụ hè thu B. Vụ mùa C. Vụ đông D. B và C đúng

III. VẬN DỤNG CAO ( 3 CÂU)

**Câu 1:** Việc sử dụng đất trong điều kiện nông nghiệp nhiệt đới cần chú ý đến việc

A. Đắp đê biển ngăn mặn

B. Áp dụng kĩ thuật canh tác hợp lí để chống xói mòn

C. Hạn chế tình trạng chuyển đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng.

D. tất cả đều đúng

**Câu 2:** Điểm giống nhau giữa nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hóa là

A. Có năng suất lao động cao B. Người sản xuất quan tâm nhiều đến lợi nhuận

C. Là nền nông nghiệp nhiệt đới D. Công cụ sản xuất hiện đại

**Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp**

I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT (12 CÂU)

**Câu 1:** Điểm nào sau đây đúng với sản xuất lúa ở đb Sông Hồng

A. Có năng suất lúa cao nhất cả nước

B. Chiếm 50% diện tích lúa của cả nước

C. Đóng góp trên 50% sản lượng lúa của cả nước

D. Bình quân lương thực trên đầu người đạt trên 1000 Kg

**Câu 2:** Căn cứ váo Atlát Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là

A. đb Sông Hồng B. đb Sông Cửu Long

C. đb duyên hải Bắc trung bộ D. đb duyên hải Nam trung bộ

**Câu 3:** Căn cứ váo Atlát Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết vùng sản xuất lương thực lớn thứ hai nước ta là

A. đb Sông Hồng B. đb Sông Cửu Long

C. đb duyên hải Bắc trung bộ D. đb duyên hải Nam trung bộ

**Câu 4:** Vùng cây ăn quả lớn nhất nước ta là

A. đb sông Cửu Long B. đb sông Hồng

C. trung du miền núi Bắc bộ D. duyên hải Bắc trung bộ

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlát Địa lí trang 18 cho biết cây Cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng nào

A. Tây Nguyên B. Đông Nam bộ C. Bắc Trung bộ D. Trung du miền núi Bắc bộ

**Câu 6:** Sự phát triển mạnh sản xuất cây công nghiệp chủ lực đã đưa Việt Nam lên vị trí hàng đầu của thế giới về xuất khẩu

A. Cà phê, chè, dừa B. Cà phê, điều, hồ tiêu

C. Hồ tiêu, điều, chè D. Mía, lạc, đậu tương

**Câu 7:** Vùng trồng dừa nhiều nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long B. Đồng bằng sông Hồng

C. Duyên hải miền Trung D. Đông nam bộ

**Câu 8:** Hai nguồn cung cấp thịt chủ yếu ở nước ta là

A. Bò và lợn B. Lợn và gia cầm

C. Gia cầm và bò D. Bò và Trâu

**Câu 9:** Chăn nuôi gà công nghiệp đã phát triển mạnh ở

A. Các thành phố lớn (Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh)

B. Các tỉnh giáp các thành phố lớn (Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh)

C. Các địa phương có cơ sở công nghiệp chế biến thịt

D. Cả B và C đúng

**Câu 10:** Chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều nhất ở

A. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ

B. Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

C. Đồng bằng sông Hồng và đb sông Cửu Long

D. Đồng bằng sông Hồng và dh Nam trung bộ

**Câu 11:** Trong những năm qua sản xuất lương thực nước ta phát triển theo xu hướng

A. Diện tích trồng hoa màu tăng rất mạnh B. Sản lượng lúa tăng nhanh

C. Năng suất lúa không tăng D. Màu lương thực đã được xuất khẩu nhiều

**Câu 12:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc trồng lúa ở nước ta là

A. Nước ta là cái nôi của nền văn minh lúa nước B. Đất phù sa màu mỡ diện tích rộng

C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa D. Câu B và C đúng

II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU (6 CÂU)

**Câu 1:** Trong cơ cấu ngành trồng trọt tỉ trọng cây công nghiệp ở nước ta có xu hướng tăng là do

A. nước ta có nhiêù điều kiện thuận lợi để phát triển

B. Tác dụng của bảo vệ môi trường

C. Thị trường thế giới về sản phẩm này có nhiều biến động

D. Dân cư có truyền thống sản xuất.

**Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành chăn nuôi ở nước ta ngày càng phát triển mạnh là do

A. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo

B. Ngành công nghiệp chế biến phát triển

c. Dịch vụ (giống và thú y) có nhiều tiến bộ

D. Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng

**Câu 3:** Sản lượng lương thực ở nước ta trong thời gian gần đây tăng liên tục là do

A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất

B. Phòng chống thiên tai tốt

C. Có lực lượng lao động dồi dào

D. Thị trường tiêu thụ có nhu cầu lớn.

**Câu 4:** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta chủ yếu dựa vào

A. Nguồn lương thực, thực phẩm B. Các đồng cỏ tự nhiên

C. Các đồng cỏ nhân tạo D. B và C đúng

**Câu 5:** Cây trồng phát triển nhất ở đồng bằng sông Cửu Long

A. lúa B. cà phê C. cao su D. rau đậu

**Câu 6:** ý nào sau đây **không phải** là thuận lợi trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta

A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiều loại đất thích hợp với cây công nghiệp

B. Có điều kiện phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp, nguồn lao động dồi dào

C. Thị trường thế giới về sản xuất cây công nghiệp có nhiều biến động

D. Đã hình thành mạng lưới cơ sở chế biến nguyên liệu cây công nghiệp

III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG THẤP (9 CÂU)

**Câu 1:** ý nào sau đây **không phải** là hạn chế của ngành chăn nuôi nước ta

A. Tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm

B. Giống gia súc gia cầm cho năng suất thấp, chất lượng chưa cao

C. Dịch bệnh gia súc, gia cầm đe dọa trên diện rộng

D. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và ổn định

**Câu 2:** Xu hướng phát triển ngành chăn nuôi hiện nay **không phải** là

A. Chăn nuôi chủ yếu lấy sức kéo và phân bón cho trồng trọt

B. Các sản phẩm không qua giết thịt có tỉ trọng ngày càng cao

C. Tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa

D. Chăn nuôi trang trại theo hính thức công nghiệp

**Câu 3:** Đối với ngành chăn nuôi khó khăn nào sau đây đã được khắc phục

A. Dịch bệnh hại gia súc, gia cầm đe dọa lan tràn trên diện rộng

B. Hiệu quả chăn nuôi chưa thật cao và ổn định

C. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất vẫn còn thấp

D. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi không được đảm bảo

**Câu 4:** Trong cơ cấu sản xuất cây công nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đóng vai trò quan trọng v**ì**

A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

B. Tận dụng tài nguyên góp phần bảo vệ môi trường

C. Tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có giá trị

D. D. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** Điều kiện nào sau đây **không cần thiết** đối với phát triển cây công nghiệp lâu năm

A. Đất phù sa có diện tích rộng

B. Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm

C. nguồn lao động dồi dào

D. Cơ sở chế biến phát triển

**Câu 6:** ý nghĩa quan trọng nhất của sản xuất lương thực ở nước ta là

A. Đảm bảo lương thực cho trên 80 triệu dân

B. Cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi

C. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

D. Tạo cơ sở để đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp

**Câu 7**: Xu hướng nổi bật trong quá trình chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta là

A. Tăng tỉ trọng cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp

B. tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây lương thực

C. tăng tỉ trọng cây rau đậu và cây lương thực, giảm tỉ trọng các loại cây khác

D. Tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây rau đậu

**Câu 8:** Đất đỏ badan ở Tây Nguyên thuận lợi nhất cho phát triển cây

A. Cao su B. Cà phê C. lúa D. rau đậu

**Câu 9:** Khó khăn chủ yếu đối với sản xuất lương thực ở nước ta **không phải** là

A. Môi trường ô nhiễm B. Bão, lũ lụt C. Hạn hán D. Sâu bệnh

III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:** Khó khăn lớn nhất đối với sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

A. Khả năng mở rộng diện tích cây công nghiệp không nhiều

B. Cở sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế

C. Thị trường thế giới có nhiều biến động, sản phẩm cây công nghiệp ở nước ta chưa đáp ứng được thị trường khó tính

D. Sự phân hóa khí hậu

**Câu 2:** Khó khăn lớn nhất đối với phát triển cây công nghiệp lâu năm hiện nay ở nước ta là

A. Có một mùa khô hạn thiếu nước B. Thị trường có nhiều biến động

C. Giống cây trồng còn hạn chế D. Việc vận chuyển còn nhiều khó khăn

**Câu 3:** Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là

A. Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ B. phát triển mô hình kinh tế VAC

C. Trồng nhiều cây hoa màu D. Khai hoang mở rộng diện tích

**BÀI 22. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP**

I. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT (12 CÂU)

**Câu 1:** nguồn lợi hải sản của vùng biển nước ta khá phong phú biểu hiện là:

A.Có nhiều loại đặc sản như hải sâm, sò ngư, bào điệp

B. Có trên 200 loài cá, 100 loài tôm

C. Có hơn 2500 loài nhuyễn thể, rong biển hơn 600 loài.

D. Tất cả các ý trên đều đúng

**Câu 2:** Ngư trường nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là

A. Qđ Hoàng Sa, qđ Trường Sa

B. Cà Mau- Kiên Giang

C. Ninh Thuận- Bình Thuận- Bà Rịa Vũng Tàu

D. Hải Phòng- Quảng Ninh

**Câu 3:** Ngư trường vịnh Bắc Bộ là ngư trường:

A. Qđ Hoàng Sa, qđ Trường Sa

B. Cà Mau- Kiên Giang

C. Ninh Thuận- Bình Thuận- Bà Rịa Vũng Tàu

D. Hải Phòng- Quảng Ninh

**Câu 4:** Ngư trường vịnh Thái Lan là ngư trường

A. Qđ Hoàng Sa, qđ Trường Sa

B. Cà Mau- Kiên Giang

C. Ninh Thuận- Bình Thuận- Bà Rịa Vũng Tàu

D. Hải Phòng- Quảng Ninh

**Câu 5:** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

A. Bãi triều

B. Các ô trũng trong đồng bằng

C. Đầm phá

D. Rừng ngập mặn

**Câu 6:** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

A. Sông suối B. Ao, hồ C. Kênh rạch D. Đầm phá

**Câu 7**: Dựa vào Atlát Địa lí trang 20 xác định các tỉnh có diện tích mặt nước nuôi thủy sản lớn nhất nước ta là

A. Hải Phòng, Quảng Ninh

B. Bình Định, Phú Yên

C. Cà mau, bạc Liêu

D. Ninh Thuận, Bình Thuận

Câu 8: Dựa vào Atlát Địa lí trang 20 xác định các tỉnh dẫn đầu cả nước vế sản lượng đánh bắt hải sản là

A. Bình Thuận, BRVT, Cà Mau, Kiên Giang

B. Ninh Thuân, Bình Thuận, cà Mau, Kiên Giang

C. Bình Thuận, BRVT, Bạc Liêu, Cà Mau

D. Ninh Thuận, BRVT, Bạc Liêu, Cà Mau

**Câu 9**: Vùng nuôi Tôm lớn nhất cả nước hiện nay là

A. ĐB Sông Hồng B. ĐBSông Cửu Long

C. DHNam Trung Bộ D. DHBắc Trung Bộ

**Câu 10:** Tỉnh nào ở nước ta nổi tiếng về nuôi cá Tra, cá Ba sa trên lồng bè

A. Kiên Giang

B. Tiền Giang

C. An Giang

D. Cà Mau

**Câu 11**: Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển mạnh ở nước ta là

A. đb sông Hồng và Bắc trung bộ

B. đb sông Cửu Long và đb sông Hồng

C. Bắc trung bộ và Đông nam bộ

D. Đông nam bộ và đb sông Cửu Long

**II. MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU ( 6 CÂU)**

**Câu 1:** Thuận lợi chủ yếu cho việc khai thác thủy sản là

A. Có nhiều sồng suối, kênh rạch, ao hồ

B. Có nhiều cánh rừng ngập mặn

C. Có 4 ngư trường trọng điểm

D. Có các ô trũng ở giữa các đồng bằng

**Câu 2**: Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản là

A. Bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng

B. Vùng biển có hải sản phong phú, có nhiều loại đặc sản

C. Dọc bờ biển có bãi triều đầm phá, các cánh rừng ngập măn.

D. Ở một số hải đảo có các rạn đá là nơi tập trung các thủy sản có giá trị

**Câu 3:** Khó khăn chủ yếu đối với việc nuôi Tôm là

A. Trong năm có khoảng 30 -35 đợt gió mùa ĐB

B. Trong năm có 9- 10 cơn bão xuất hiện trên biển Đông

C. Môi trường một số vùng ven biển bị suy thoái, đe dọa nguồn lợi thủy sản

D. Dịch bệnh xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại.

**Câu 4**: năm 2005, sản lượng ngành thủy sản

A. Nhỏ hơn sản lượng thịt cộng lại từ chăn nuôi gia súc, gia cầm

B. lớn hơn sản lượng thịt cộng lại từ chăn nuôi gia súc, gia cầm

C. đạt hơn 7 triệu tấn

D. Bằng sản lượng thịt từ chăn nuôi gia súc.

**Câu 5**: So với hoạt động khai thác thủy sản, Sản lượng nuôi trồng thủy sản

A. Sản lượng cao hơn, giá trị sản xuất cao hơn

B. Sản lượng thấp hơn, giá trị sản xuất thấp hơn

C. Sản lượng thấp hơn, giá trị sản xuất cao hơn

D. Sản lượng cao hơn, giá trị sản xuất thấp hơn.

**Câu 6**: Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam trang 20 cho biết cơ cấu sản lượng ngành thủy sản hiện nay đang chuyển dịch theo xu hướng là

A. tăng tỉ trọng sản lượng ngành khai thác, giảm tỉ trọng sản lượng ngành nuôi trồng.

B. Giảm tỉ trọng sản lượng ngành khai thác, tăng tỉ trọng sản lượng ngành nuôi trồng.

C. Giảm tỉ trọng giá trị sản xuất ngành khai thác, tăng tỉ trọng giá trị sản xuất ngành nuôi trồng.

D. B và C đúng.

**III. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG THẤP (9 CÂU)**

**Câu 1**: ý nào sau đây **chưa đúng** về khó khăn của ngành thủy sản

A. Có nhiều thiên tai như bão, gió mùa ĐB

B. Phương tiện đánh bắt còn thô sơ thiếu vốn, kĩ thuật lạc hâuj

C. CNCB thủy sản chưa phát triển mạnh

D. Nhu cầu thủy sản trên thị trường có xu hướng giảm

**Câu 2**: Điểm nào sau đây **không đúng** với việc trồng rừng ở nước ta hiện nay

A. Giai đoạn 1983- 2006 diện tích rừng trồng tăng 2,1 triệu ha

B. Hàng năm diện tích rừng bị phá hoại ở nước ta không phải là nhỏ///////////

C. Diện tích rừng trồng có tăng nhưng không cao

D. Phần lớn rừng trồng là rừng phòng hộ.

**Câu 3:** Ý nào sau đây **không chính xác:**

* Vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản khá phong phú
* Nước ta có nhiều ngư trường trong đó có 3 ngư trường trọng điểm
* Ven bờ nước ta có nhiều đảo và vụng, vịnh tạo điều kiện hình thành các bãi cho cá đẻ
* Tổng trữ lượng hải sản cho phép khai thác hang năm của nước ta là 1,9 triệu tấn

**Câu 4:** Ý nào sau đây **không chính xác** khi nhận xét về tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000-2007:

* Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác
* Tổng sản lượng ngành thủy sản nước ta tăng khá nhanh (gần 2 lần)
* Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng, tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm
* Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn thấp hơn tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlát Địa lí trang 20, cho biết hiện nay vùng nào có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh thấp nhất cả nước?

* Đồng bằng song Hồng C. Bắc Trung Bộ

C. Đồng bằng song Cửu Long D. Duyên hải Nam Trung Bộ

**Câu 6:** Ý nào sau đây **không chính xác** khi nhận xét về sự biến động diện tích rừng nước ta giai đoạn 2000-2007:

* Tổng diện tích rừng nước ta có xu hướng tăng
* Diện tích rừng tự nhiên tăng đều qua các năm
* Trong cơ cấu diện tích rừng nước ta, rừng tự nhiên vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất
* Tỉ trọng rừng tự nhiên và rừng trồng đều có xu hướng tăng

**Câu 7:** Dựa vào Atlát Địa lí trang 20 cho biết ý nào sau đây **không chính xác** khi nhận xét về tình hình phát triển ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000-2007:

A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác

B. Tổng sản lượng ngành thủy sản nước ta tăng khá nhanh (gần 2 lần)

C. Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng, tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác giảm

D. Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn thấp hơn tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác

**IV. VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1**: Năng suất lao động trong ngành thủy sản còn thấp là do

A. CNCB sản phẩm nâng cao chất lượng thương phẩm còn nhiều hạn chế

B. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn

C. Con người tiêu thụ nhiều các sản phẩm thủy sản

D. Dịch vụ thú y có một số tiến bộ đáng kể.

**Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho nghề nuôi Tôm phát triển “bùng nổ” trong các năm trở lại đây là

A. Diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản rất lớn

B. Giá trị thương phẩm được nâng cao nhờ công nghiệp chế biến

C. Chính sách khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản của cả nước

D. Nhu cầu thị trường bên ngoài ngày càng lớn và được mở rộng.

**Câu 3:** Ý nghĩa kinh tế của rừng được biểu hiện ở việc

A. Góp phần điều hòa khí hậu, hạn chế ô nhiễm môi trường

B. Ngăn cản các quá trính xói mòn, rửa trôi đất từ đó bảo về tài nguyên đất

C. Cung cấp nhiều lầm sản (gỗ, củi..), các dược liệu quý.

D. Góp phần giải quyết việc làm cho người dân ở khu vực đồi núi.

**CÂU HỎI PHẦN NHẬN XÉT SỐ LIỆU, BIỂU ĐỒ**

**Câu 1:**Cho biểu đồ



Nội dung nào sau đây phù hợp với biểu đồ bên?

A. Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

B. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

C. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

D. Quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

**Câu 2.** Biểu đồ dưới đây thểhiện nội dung nào?

1. Sự thay đổi diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn 1995-2013.
2. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta.
3. Sự gia tăng diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn 1995-2013.
4. Tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng và năng suất lúa nước ta giai đoạn 1995-2013.



**Câu 3.**Cho biểu đồ:

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

1. Tình hình phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn 2005-2013.
2. Tốc độ phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn 2005-2013.
3. Quy mô phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn 2005-2013.
4. Cơ cấu phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn 2005-2013.

**Câu 4.** Cho BSL: Diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm, năm 2005*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loại cây | Cả nước | Trung du và miền núi Bắc Bộ | Tây Nguyên |
|  |  |  |  |
| Cây công nghiệp lâu năm | 1633.6 | 91.0 | 634.3 |
|  |  |  |  |
| Cà phê | 497.4 | 3,3 | 445.4 |
|  |  |  |  |
| Chè | 122.5 | 80,0 | 27.0 |
|  |  |  |  |
| Cao su | 482.7 | - | 109.4 |
|  |  |  |  |
| Cây khác | 531.0 | 7,7 | 52.5 |
|  |  |  |  |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** khi nói về cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm của cả nước, Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên năm 2005?

1. Diện tích cây chè luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.
2. Diện tích gieo trồng cây cà phê ở Tây Nguyên chiếm tỉ trọng cao nhất.
3. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên chiếm tỉ trọng cao hơn diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
4. Tỉ trọng gieo trồng cây cao su ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là 0%.

|  |
| --- |
| **Câu 5.** Cho BSL: Diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây*(Đơn vị: nghìn ha)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năm | Tổng số |  | Cây hàng năm | Cây ăn quả |  | Cây công nghiệp lâu năm |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2005 | 13287 |  | 10819 | 767 |  | 1643 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2010 | 14061 |  | 11241 | 780 |  | 2011 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2014 | 14809 |  | 11665 | 799 |  | 2134 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

Để thể hiện *quy mô và cơ cấu* diện tích các loại cây trồng qua các năm, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồmiền. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồcột. **D.** Biểu đồtròn. **Câu 5.** Cho BSL: Cơ cấu GDP phân theo nhóm ngành kinh tế ở nước ta, giai đoạn 1990–2005 (%)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Nông, lâm nghiệp | Công nghiệp | Dịch vụ |  |
| và thuỷ sản | và xây dựng |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 2010 | 100 | 21,0 | 36,7 | 42,2 |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 2011 | 100 | 22,1 | 36,4 | 41,5 |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 2012 | 100 | 21,3 | 37,3 | 41,4 |  |
|  |  |  |  |  |  |
| 2013 | 100 | 20,0 | 36,9 | 43,1 |  |
|  |  |  |  |  |  |

1. Để thể hiện sự *chuyển dịch cơ cấu* GDP phân theo nhóm ngành kinh tế của nước ta từ năm 2010 đến năm 2013, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất

A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ miền.

1. Để thể hiện *cơ cấu* GDP phân theo nhóm ngành kinh tế của nước ta năm 2010 và 2013 thì biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | A. Biểu đồ tròn. | B. Biểu đồ cột | C. Biểu đồ đường. |  | D. Biểu đồ miền. |